

Số: 62 / QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học liên thông, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học, khóa 2019 - 2021 đào tạo tại Trường Đại học Đông Á

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1277 /QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về quy định Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT- BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Xét đề nghị Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học liên thông, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, cho 125 (một trăm hai mươi lăm) sinh viên khóa 2019 - 2021 đào tạo tại Trường đại học Đông Á có tên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Trường các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 “để thi hành”;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG VLVH,
NIÊN KHÓA 2019 – 2021, ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á,
LỚP: LUẬT LT VLVH-K2019 ĐÔNG Á

(Kèm theo Quyết định số: 62/QĐ/DHL ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật,
Đại học Huế)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	ĐTB Hệ 10	ĐTB Hệ 4	Xếp loại tốt nghiệp
1	1955014601	BÙI THỊ MINH ANH	08-07-1998	Nữ	7.13	2.78	Khá
2	1955014602	LẠI VĂN TUẤN ANH	03-08-1992	Nam	6.58	2.41	Trung bình
3	1955014603	ĐẶNG THỊ CHUYỀN	11-10-1981	Nữ	7.10	2.76	Khá
4	1955014604	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	01-04-1985	Nam	7.58	3.09	Khá
5	1955014605	PHAN MINH ĐẠT	12-08-1986	Nam	6.91	2.67	Khá
6	1955014606	LÊ MINH HẢI	02-04-1992	Nam	6.88	2.61	Khá
7	1955014607	NGUYỄN PHAN ĐỨC HẢI	17-10-1986	Nam	7.08	2.77	Khá
8	1955014608	LÊ THỊ HẠNH	24-11-1984	Nữ	7.49	3.02	Khá
9	1955014610	LÊ THỊ MINH HIỀN	30-04-1985	Nữ	6.69	2.57	Khá
10	1955014611	NGUYỄN THỊ THANH HOA	28-02-1990	Nữ	7.27	2.92	Khá
11	1955014612	TRẦN VĨNH HÒA	06-12-1989	Nam	7.10	2.78	Khá
12	1955014613	NGUYỄN PHI HOÀN	14-02-1991	Nam	6.62	2.46	Trung bình
13	1955014614	HÀ THỨC HOÀNG	10-09-1990	Nam	6.34	2.27	Trung bình
14	1955014615	ĐOÀN MINH HÙNG	05-08-1990	Nam	7.11	2.80	Khá
15	1955014616	TRẦN PHƯỚC LAI	12-09-1988	Nam	6.99	2.73	Khá
16	1955014617	PHAN MẠNH LINH	01-10-1989	Nam	7.21	2.87	Khá
17	1955014618	PHAN NGỌC LINH	02-04-1983	Nam	7.23	2.85	Khá
18	1955014619	NGUYỄN THỊ THẢO LY	07-07-1994	Nữ	7.43	2.99	Khá
19	1955014620	PHẠM THÀNH MÃI	21-06-1991	Nam	6.64	2.51	Khá
20	1955014621	ĐẶNG THÁI MINH	02-02-1987	Nam	7.20	2.82	Khá
21	1955014623	HÀ HOÀI NAM	15-06-1993	Nam	6.91	2.65	Khá

22	1955014624	HỒ VĂN	NAM	02-07-1987	Nam	7.24	2.84	Khá
23	1955014625	TRẦN PHUỐC	NGỌC	15-11-1988	Nam	7.21	2.80	Khá
24	1955014626	PHAN VĂN	NGÔN	25-04-1988	Nam	7.12	2.74	Khá
25	1955014627	ĐINH THỊ THẢO	NGUYỄN	01-12-1992	Nữ	7.33	2.93	Khá
26	1955014628	HUỶNH ANH	PHƯƠNG	14-11-1995	Nam	7.32	2.95	Khá
27	1955014629	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	07-07-1995	Nam	6.98	2.68	Khá
28	1955014630	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUÂN	21-08-1991	Nữ	7.18	2.85	Khá
29	1955014631	LÊ VĂN	QUỐC	20-11-1995	Nam	6.48	2.40	Trung bình
30	1955014632	TRẦN ĐÌNH	QUỐC	21-07-1992	Nam	6.83	2.56	Khá
31	1955014633	ĐẶNG CÔNG	SANG	04-12-1989	Nam	7.34	2.96	Khá
32	1955014634	NGUYỄN THANH	SON	06-01-1985	Nam	7.53	3.03	Khá
33	1955014635	LƯU VĂN	TÂN	16-03-1989	Nam	7.14	2.81	Khá
34	1955014636	TRỊNH MINH	THÁI	02-08-1992	Nam	7.15	2.83	Khá
35	1955014637	NGUYỄN QUANG	THẢO	09-05-1990	Nam	7.08	2.72	Khá
36	1955014638	TRẦN HỒNG LINH	THI	13-11-1995	Nữ	7.19	2.84	Khá
37	1955014639	NGUYỄN NGỌC	THI	07-11-1988	Nam	7.15	2.79	Khá
38	1955014640	ĐỖ HỮU	THỌ	27-06-1997	Nam	7.53	3.06	Khá
39	1955014641	TRẦN	TIẾN	05-12-1990	Nam	6.59	2.41	Trung bình
40	1955014642	TRẦN VIỆT	TOÀN	14-06-1990	Nam	7.31	2.91	Khá
41	1955014644	HỒ THANH	TRÍ	08-11-1996	Nam	6.62	2.43	Trung bình
42	1955014645	DƯƠNG HỒNG MINH	TRUNG	11-06-1987	Nam	7.32	2.93	Khá
43	1955014646	ĐỖ PHAN VĂN	TÚ	22-09-1990	Nam	7.08	2.80	Khá
44	1955014647	PHAN CẢNH	TÙNG	19-01-1991	Nam	7.18	2.84	Khá
45	1955014648	PHẠM TRẦN DIỆU	VĂN	20-09-1990	Nữ	7.20	2.83	Khá
46	1955014649	TRƯƠNG HUỶNH	VĂN	05-12-1995	Nam	7.05	2.75	Khá
47	1955014650	LÊ HOÀNG	VŨ	04-09-1996	Nam	7.32	2.88	Khá
48	1955014651	NGUYỄN HỒNG	ANH	05-04-1986	Nam	7.02	2.79	Khá
49	1955014652	PHÙNG CÔNG	BẰNG	17-06-1991	Nam	6.97	2.72	Khá
50	1955014653	HOÀNG MINH	CHÂU	17-11-1991	Nam	7.17	2.85	Khá
51	1955014654	NGUYỄN NGỌC	ĐÀN	03-11-1988	Nam	7.13	2.77	Khá

52	1955014655	PHAN QUÝ	ĐỨC	13-03-1985	Nam	6.80	2.54	Khá
53	1955014657	NGUYỄN TÂN HUỠNH	DŨNG	03-02-1988	Nam	7.70	3.14	Khá
54	1955014658	HỒ CÔNG HẢI	HÀ	25-12-1988	Nam	7.07	2.76	Khá
55	1955014659	PHẠM NGỌC	HẢI	17-05-1990	Nam	7.23	2.84	Khá
56	1955014660	NGUYỄN THỊ LỆ	HẰNG	11-02-1990	Nữ	7.64	3.11	Khá
57	1955014661	VĂN QUÝ	HẬU	27-01-1992	Nam	7.22	2.82	Khá
58	1955014662	THÁI THỊ THU	HIỀN	18-07-1994	Nữ	6.82	2.61	Khá
59	1955014663	PHẠM	HÒA	01-01-1992	Nam	7.23	2.87	Khá
60	1955014664	ĐẶNG CÔNG	HƯNG	22-12-1990	Nam	7.37	2.93	Khá
61	1955014665	NGUYỄN QUỐC	HUY	10-09-1997	Nam	7.29	2.91	Khá
62	1955014666	NGUYỄN XUÂN	LÂM	16-08-1984	Nam	7.15	2.79	Khá
63	1955014667	ĐẶNG QUANG	LỢI	16-08-1993	Nam	7.29	2.87	Khá
64	1955014668	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	02-02-1992	Nam	6.80	2.61	Khá
65	1955014669	ĐỒNG THỊ MINH	NGUYỆT	01-10-1992	Nữ	7.58	3.07	Khá
66	1955014670	NGUYỄN TRẦN	QUÂN	22-10-1989	Nam	7.17	2.82	Khá
67	1955014672	PHÙNG XUÂN	QUANG	12-09-1991	Nam	6.90	2.63	Khá
68	1955014673	NGÔ VĂN CHÍ	QUỐC	16-11-1997	Nam	6.86	2.62	Khá
69	1955014675	HUỠNH ĐÌNH	SÁNH	02-02-1988	Nam	6.76	2.52	Khá
70	1955014676	LÊ ĐÌNH	SƠN	04-02-1986	Nam	7.31	2.89	Khá
71	1955014677	TRẦN ĐÌNH	SƠN	02-12-1991	Nam	6.88	2.62	Khá
72	1955014678	PHÙNG VĂN	THÀNH	20-04-1990	Nam	7.35	2.93	Khá
73	1955014679	HỨA THỊ THANH	THẢO	18-02-1998	Nữ	6.96	2.66	Khá
74	1955014680	NGUYỄN THỊ KIM	THƯƠNG	27-02-1997	Nữ	7.07	2.71	Khá
75	1955014681	NGUYỄN THANH	TIẾN	14-02-1992	Nam	7.25	2.87	Khá
76	1955014682	DƯƠNG THANH	TIỆN	17-10-1990	Nam	7.07	2.81	Khá
77	1955014683	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	26-05-1985	Nữ	7.25	2.85	Khá
78	1955014684	ĐẶNG PHƯỚC	TRÍ	06-06-1996	Nam	7.41	3.01	Khá
79	1955014685	ĐÀO PHAN TÚ	TRINH	11-11-1996	Nữ	7.40	3.03	Khá
80	1955014686	NGUYỄN CÔNG	TRUNG	12-02-1991	Nam	7.25	2.87	Khá
81	1955014687	TRẦN MINH	TRUNG	16-04-1981	Nam	6.79	2.58	Khá

DỤC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 LUẬT
 HỒ

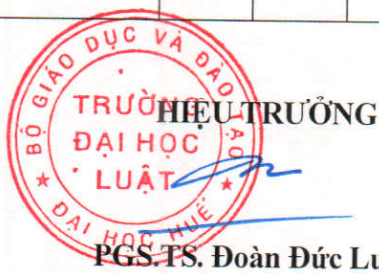
82	1955014688	TRẦN THANH	TUẤN	18-09-1989	Nam	7.23	2.82	Khá
83	1955014689	VÕ NHẬT	UYÊN	25-01-1994	Nữ	6.85	2.64	Khá
84	1955014691	TÀO QUANG	VINH	08-07-1988	Nam	7.23	2.84	Khá
85	1955014692	LÊ TƯỜNG	VŨ	05-05-1985	Nam	7.38	2.97	Khá
86	1955014693	TRẦN	VŨ	01-01-1990	Nam	7.40	2.98	Khá
87	1955014697	PHẠM DUY	CA	01-01-1991	Nam	7.08	2.73	Khá
88	1955014698	VŨ MẠNH	ĐÀ	23-03-1987	Nam	6.80	2.60	Khá
89	1955014699	TÔ THÀNH	DANH	25-05-1991	Nam	6.87	2.66	Khá
90	1955014700	TRẦN THỊ THÙY	DUƠNG	06-10-1991	Nữ	6.70	2.47	Trung bình
91	1955014701	TRẦN XUÂN	DUƠNG	30-10-1991	Nam	7.00	2.72	Khá
92	1955014704	PHAN THANH	HÙNG	01-02-1986	Nam	7.25	2.86	Khá
93	1955014705	ĐẶNG VĂN	HÙNG	06-12-1991	Nam	6.36	2.27	Trung bình
94	1955014706	PHẠM VĂN	HƯỜNG	14-06-1987	Nam	7.33	2.92	Khá
95	1955014707	PHAN MINH	HUY	13-10-1992	Nam	6.66	2.51	Khá
96	1955014708	NGUYỄN PHAN MINH	KHAI	15-05-1978	Nữ	6.85	2.59	Khá
97	1955014710	NGUYỄN HỮU TIẾN	LÊN	11-03-1984	Nam	7.49	3.00	Khá
98	1955014711	NGUYỄN HẢI	LINH	28-08-1991	Nam	7.05	2.68	Khá
99	1955014712	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	06-04-1988	Nam	7.27	2.90	Khá
100	1955014713	HUỲNH VĂN	LÝ	02-07-1989	Nam	7.03	2.74	Khá
101	1955014714	VŨ NGỌC	NINH	21-04-1996	Nam	6.94	2.67	Khá
102	1955014715	GIANG THỊ THÚY	OANH	19-12-1988	Nữ	6.75	2.50	Khá
103	1955014717	NGUYỄN NGỌC	QUÍ	27-07-1990	Nam	7.24	2.88	Khá
104	1955014718	BÙI VĂN	QUỐC	25-09-1991	Nam	7.14	2.77	Khá
105	1955014719	TRẦN VĂN	SƠN	15-07-1995	Nam	6.32	2.27	Trung bình
106	1955014720	PHAN THỊ THANH	TÂM	12-11-1992	Nữ	6.69	2.47	Trung bình
107	1955014721	NGUYỄN ĐỨC	TÂN	14-05-1979	Nam	7.18	2.81	Khá
108	1955014722	LÊ ANH	THẮNG	14-10-1991	Nam	7.43	2.94	Khá
109	1955014723	LÊ VIẾT TRỊNH	THÀNH	09-09-1986	Nam	6.89	2.65	Khá
110	1955014724	HUỲNH THỊ THU	THẢO	01-01-1993	Nữ	6.58	2.44	Trung bình
111	1955014725	TRẦN ĐÌNH	THẢO	16-08-1992	Nam	6.46	2.31	Trung bình

VÀ Đ
NG
OC
T
HUE

112	1955014726	A RẤT	THÊ	12-12-1982	Nam	6.72	2.52	Khá
113	1955014727	ĐÀO THÊ	THỊNH	20-02-1993	Nam	6.99	2.75	Khá
114	1955014728	NGUYỄN NGỌC	THÔNG	19-02-1989	Nam	7.48	3.07	Khá
115	1955014729	HỒ CÔNG	THUY	24-04-1988	Nam	6.93	2.66	Khá
116	1955014730	ĐẶNG CHÍ	TỊNH	06-08-1989	Nam	7.28	2.91	Khá
117	1955014731	NGUYỄN THANH	TOÀN	14-04-1989	Nam	6.98	2.71	Khá
118	1955014732	LÊ VĂN	TRÀ	12-11-1988	Nam	7.19	2.83	Khá
119	1955014733	NGUYỄN HỮU	TRÍ	01-05-1989	Nam	7.22	2.81	Khá
120	1955014734	TRẦN ANH	TUẤN	09-09-1990	Nam	6.99	2.67	Khá
121	1955014735	BÙI VĂN	TÚC	29-09-1984	Nam	6.91	2.63	Khá
122	1955014736	ZƠ RÂM	ỨA	16-04-1977	Nam	6.94	2.65	Khá
123	1955014737	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	02-02-1987	Nam	6.94	2.67	Khá
124	1955014738	ĐẶNG	VUI	20-07-1990	Nam	7.08	2.79	Khá
125	1955014671	NGUYỄN QUANG	QUÂN	25-06-1990	Nam	6.94	2.64	Khá

* Danh sách này gồm có 125 sinh viên.✓

Trong đó: - 113 sinh viên đạt loại Khá,
- 12 sinh viên đạt loại Trung bình.



PGS.TS. Đoàn Đức Lương